SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

AOSC VLAT 1.0897 ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 163/*PKN-KSBT*

1. Tên mẫu/*Name of sample*: Nước máy **Mã số/Code:** 240341/102

2. Vị trí lấy mẫu/*Sampling locations:* Trạm cấp nước Hưng Phúc
Xã Hưng Phúc, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An

3. Mô tả mẫu/*Description:* 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)

4. Ngày giờ nhận mẫu/*Sample date and time:* Ngày 29/03/2024

5. Người giao mẫu/*Sample delivery man*: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An

6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/*Sample test date and time*: Từ ngày 29/03/2024 đến 08/04/2024

7. Kết quả thử nghiệm/*Test result:*

TT *No.*	**Tên chỉ tiêu** *Characteristic*	**Đơn vị** *Unit*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Giới hạn tối đa cho phép** *Regular limit* **(QCĐP 01:2021/NA)**	**Kết quả** *Result*
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,52
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	10
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	1,08
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,47
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / *The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control*
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*.Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/ *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	**2,82**
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	83,66
13	Độ cứng tính theo $CaCO_3$*	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	116
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,25
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	1,205
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Săt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	0,098
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	213
21	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: *KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp*

Vinh, ngày 08 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM		TRƯỞNG KHOA	PHÓ GIÁM ĐỐC
LAB		*HEAD OF DEPARTMENT*	*VICE DIRECTOR*
HÓA-CHEMICAL	*VI SINH-MICROBIOLOGY*		
Dương Thị Thảo	**Trần Thị Quyên**	**Cao Thúy Trinh**	*Hoàng Quốc Kiều*

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH NGHỆ AN

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*.Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/ ***Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 164/*PKN-KSBT*

1. Tên mẫu/*Name of sample*: Nước máy **Mã số/Code:** 240341/103

2. Vị trí lấy mẫu/*Sampling locations:* Bác Tiến

Xóm 5, Xã Hưng Phúc , Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An

3. Mô tả mẫu/*Description:* 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)

4. Ngày giờ nhận mẫu/*Sample date and time:* Ngày 29/03/2024

5. Người giao mẫu/*Sample delivery man*: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An

6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/*Sample test date and time*: Từ ngày 29/03/2024 đến 08/04/2024

7. Kết quả thử nghiệm/*Test result:*

TT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn tối đa cho phép *Regular limit* (QCĐP 01:2021/NA)	Kết quả *Result*
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,2
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	10
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,86
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,54
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*.Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017 /*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	**2,62**
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	83,66
13	Độ cứng tính theo $CaCO_3$*	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	108
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,24
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	1,393
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Săt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	205
21	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: *KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp*

Vinh, ngày 08 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM		TRƯỞNG KHOA	PHÓ GIÁM ĐỐC
LAB		*HEAD OF DEPARTMENT*	*VICE DIRECTOR*
HÓA-CHEMICAL	*VI SINH-MICROBIOLOGY*		
Dương Thị Thảo	**Trần Thị Quyên**	**Cao Thúy Trinh**	Hoàng Quốc Kiều

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*.Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/***Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT **Số/No.**: 165/*PKN-KSBT*

1. Tên mẫu/*Name of sample*: Nước máy **Mã số/Code:** 240341/104

2. Vị trí lấy mẫu/*Sampling locations:* Ngô Văn Hùng
Xã Hưng Phúc, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An

3. Mô tả mẫu/*Description:* 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)

4. Ngày giờ nhận mẫu/*Sample date and time:* Ngày 29/03/2024

5. Người giao mẫu/*Sample delivery man*: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An

6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/*Sample test date and time*: Từ ngày 29/03/2024 đến 08/04/2024

7. Kết quả thử nghiệm/*Test result:*

TT *No.*	**Tên chỉ tiêu** *Characteristic*	**Đơn vị** *Unit*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Giới hạn tối đa cho phép** *Regular limit* **(QCĐP 01:2021/NA)**	**Kết quả** *Result*
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,2
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	10
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,83
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,51
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*.Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	**3,01**
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	82,24
13	Độ cứng tính theo $CaCO_3$*	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	118
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,25
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	1,441
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Săt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	214
21	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: *KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp*

Vinh, ngày 08 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM		TRƯỞNG KHOA	PHÓ GIÁM ĐỐC
LAB		*HEAD OF DEPARTMENT*	*VICE DIRECTOR*
HÓA-CHEMICAL	*VI SINH-MICROBIOLOGY*		
Dương Thị Thảo	**Trần Thị Quyên**	**Cao Thúy Trinh**	*Hoàng Quốc Kiều*

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH NGHỆ AN

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / *The test report must not be reproduced without the written approval of Nghe An Center for disease control*
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ *The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department*
5*.Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/***Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

AOSC VLAT 1.0897 ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT **Số/No.:** 167/*PKN-KSBT*

1. **Tên mẫu/*Name of sample*:** Nước máy **Mã số/Code:** 240342/106
2. **Vị trí lấy mẫu/*Sampling locations:*** Phan Trọng Nguyên
   Làng Trung Thượng, Xã Hưng Tân , Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An
3. **Mô tả mẫu/*Description:*** 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
4. **Ngày giờ nhận mẫu/*Sample date and time:*** Ngày 29/03/2024
5. **Người giao mẫu/*Sample delivery man*:** ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. **Ngày giờ thử nghiệm mẫu/*Sample test date and time*:** Từ ngày 29/03/2024 đến 08/04/2024
7. **Kết quả thử nghiệm/*Test result:***

TT *No.*	**Tên chỉ tiêu** *Characteristic*	**Đơn vị** *Unit*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Giới hạn tối đa cho phép** *Regular limit* **(QCĐP 01:2021/NA)**	**Kết quả** *Result*
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	**0,08**
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	15
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	1,55
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,49
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / *The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control*
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ *The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department*
5*.Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/***Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH_3F 2017	0,3	0,096
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	**3,39**
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	58,14
13	Độ cứng tính theo $CaCO_3$*	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	100
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,26
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	1,017
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	0,03
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	2,873
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	233
21	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: *KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp*

Vinh, ngày 08 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM *LAB*		TRƯỞNG KHOA *HEAD OF DEPARTMENT*	PHÓ GIÁM ĐỐC *VICE DIRECTOR*
HÓA-CHEMICAL	*VI SINH-MICROBIOLOGY*		
Dương Thị Thảo	**Trần Thị Quyên**	**Cao Thúy Trinh**	Hoàng Quốc Kiều

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / *The test report must not be reproduced without the written approval of Nghe An Center for disease control*
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ *The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department*
5*.Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/ *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/***Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

AOSC VLAT 1.0897 ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT **Số/No.**: 166/*PKN-KSBT*

1. Tên mẫu/*Name of sample*: Nước máy **Mã số/Code:** 240342/105

2. Vị trí lấy mẫu/*Sampling locations:* Trạm cấp nước Hưng Tân
Xã Hưng Tân, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An

3. Mô tả mẫu/*Description:* 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)

4. Ngày giờ nhận mẫu/*Sample date and time:* Ngày 29/03/2024

5. Người giao mẫu/*Sample delivery man*: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An

6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/*Sample test date and time*: Từ ngày 29/03/2024 đến 08/04/2024

7. Kết quả thử nghiệm/*Test result:*

TT *No.*	**Tên chỉ tiêu** *Characteristic*	**Đơn vị** *Unit*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Giới hạn tối đa cho phép** *Regular limit* **(QCĐP 01:2021/NA)**	**Kết quả** *Result*
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,45
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	**20**
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	**3,98**
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,45
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*.Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017 *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	**2,82**
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	59,56
13	Độ cứng tính theo $CaCO_3$*	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	100
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,22
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	1,057
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	173
21	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: *KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp*

Vinh, ngày 08 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM *LAB*		TRƯỞNG KHOA *HEAD OF DEPARTMENT*	PHÓ GIÁM ĐỐC *VICE DIRECTOR*
HÓA-CHEMICAL	*VI SINH-MICROBIOLOGY*		
Dương Thị Thảo	Trần Thị Quyên	Cao Thúy Trinh	Hoàng Quốc Kiều

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.NGHỆ AN

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / *The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control*
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ *The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department*
5*.Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0897 ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 168/*PKN-KSBT*

1. **Tên mẫu/*Name of sample*:** Nước máy **Mã số/Code:** 240342/107
2. **Vị trí lấy mẫu/*Sampling locations:*** Ngô Văn Thiện
Làng Nam, Xã Hưng Tân, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An
3. **Mô tả mẫu/*Description:*** 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
4. **Ngày giờ nhận mẫu/*Sample date and time:*** Ngày 29/03/2024
5. **Người giao mẫu/*Sample delivery man*:** ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. **Ngày giờ thử nghiệm mẫu/*Sample test date and time*:** Từ ngày 29/03/2024 đến 08/04/2024
7. **Kết quả thử nghiệm/*Test result:***

TT *No.*	**Tên chỉ tiêu** *Characteristic*	**Đơn vị** *Unit*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Giới hạn tối đa cho phép** *Regular limit* **(QCĐP 01:2021/NA)**	**Kết quả** *Result*
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,3
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	**20**
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	**3,91**
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,52
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5.* Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6.** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH_3F 2017	0,3	0,087
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	**2,82**
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	58,14
13	Độ cứng tính theo $CaCO_3$*	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	98
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,22
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	1,13
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	8,824
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	179
21	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: *KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp*

Vinh, ngày 08 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM *LAB*		TRƯỞNG KHOA *HEAD OF DEPARTMENT*	PHÓ GIÁM ĐỐC *VICE DIRECTOR*
HÓA-CHEMICAL	*VI SINH-MICROBIOLOGY*		
Dương Thị Thảo	**Trần Thị Quyên**	**Cao Thúy Trinh**	Hoàng Quốc Kiều

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*.Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/***Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0897 ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 169/*PKN-KSBT*

1. **Tên mẫu/*Name of sample*:** Nước máy **Mã số/Code:** 240343/108
2. **Vị trí lấy mẫu/*Sampling locations:*** Trạm cấp nước Cửa lò
Phường Nghi Hương, TX Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An
3. **Mô tả mẫu/*Description:*** 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
4. **Ngày giờ nhận mẫu/*Sample date and time:*** Ngày 29/03/2024
5. **Người giao mẫu/*Sample delivery man*:** ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. **Ngày giờ thử nghiệm mẫu/*Sample test date and time*:** Từ ngày 29/03/2024 đến 08/04/2024
7. **Kết quả thử nghiệm/*Test result:***

TT *No.*	**Tên chỉ tiêu** *Characteristic*	**Đơn vị** *Unit*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Giới hạn tối đa cho phép** *Regular limit* **(QCĐP 01:2021/NA)**	**Kết quả** *Result*
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,69
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,25
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,29
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017* *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,79
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	60,97
13	Độ cứng tính theo $CaCO_3$*	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	94
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,21
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,813
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	1,735
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	169
21	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: *KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp*

Vinh, ngày 08 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM *LAB*		TRƯỞNG KHOA *HEAD OF DEPARTMENT*	PHÓ GIÁM ĐỐC *VICE DIRECTOR*
HÓA-CHEMICAL	*VI SINH-MICROBIOLOGY*		
Dương Thị Thảo	**Trần Thị Quyên**	**Cao Thúy Trinh**	Hoàng Quốc Kiều

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer, 01 document is stored at Testing Department
5*.Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017 *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0897 ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 170/*PKN-KSBT*

1. **Tên mẫu/*Name of sample*:** Nước máy **Mã số/Code:** 240343/109
2. **Vị trí lấy mẫu/*Sampling locations:*** Trụ sở Công ty CP cấp nước Cửa Lò
Phường Nghi Hương, TX Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An
3. **Mô tả mẫu/*Description:*** 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
4. **Ngày giờ nhận mẫu/*Sample date and time:*** Ngày 29/03/2024
5. **Người giao mẫu/*Sample delivery man*:** ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. **Ngày giờ thử nghiệm mẫu/*Sample test date and time*:** Từ ngày 29/03/2024 đến 08/04/2024
7. **Kết quả thử nghiệm/*Test result:***

TT *No.*	**Tên chỉ tiêu** *Characteristic*	**Đơn vị** *Unit*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Giới hạn tối đa cho phép** *Regular limit* **(QCĐP 01:2021/NA)**	**Kết quả** *Result*
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,76
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,31
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,32
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4 Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*.Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/***Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,86
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	63,81
13	Độ cứng tính theo $CaCO_3$*	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	102
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,23
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,935
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	1,875
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	180
21	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: *KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp*

Vinh, ngày 08 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM		TRƯỞNG KHOA	PHÓ GIÁM ĐỐC
LAB		*HEAD OF DEPARTMENT*	*VICE DIRECTOR*
HÓA-CHEMICAL	*VI SINH-MICROBIOLOGY*		
Dương Thị Thảo	**Trần Thị Quyên**	**Cao Thúy Trinh**	Hoàng Quốc Kiều

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*.Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

AOSC VLAT 1.0897 ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT **Số/No.**: 171/*PKN-KSBT*

1. **Tên mẫu/*Name of sample*:** Nước máy **Mã số/Code:** 240343/110
2. **Vị trí lấy mẫu/*Sampling locations:*** Trần Thị Lan
   Phường Nghi Thu, TX Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An
3. **Mô tả mẫu/*Description:*** 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
4. **Ngày giờ nhận mẫu/*Sample date and time:*** Ngày 29/03/2024
5. **Người giao mẫu/*Sample delivery man*:** ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. **Ngày giờ thử nghiệm mẫu/*Sample test date and time*:** Từ ngày 29/03/2024 đến 08/04/2024
7. **Kết quả thử nghiệm/*Test result:***

TT *No.*	**Tên chỉ tiêu** *Characteristic*	**Đơn vị** *Unit*	**Phương pháp thử** *Test method*	**Giới hạn tối đa cho phép** *Regular limit* **(QCĐP 01:2021/NA)**	**Kết quả** *Result*
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,55
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,15
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,28
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / *The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control*
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*.Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/ *Tests area ceredited ISO/IEC 17025:2017*
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ /***Tests are use subcontractors*

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,92
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	63,81
13	Độ cứng tính theo $CaCO_3$*	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	102
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,23
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,937
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	3,367
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	182
21	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: *KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp*

Vinh, ngày 08 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM		TRƯỞNG KHOA	PHÓ GIÁM ĐỐC
LAB		*HEAD OF DEPARTMENT*	*VICE DIRECTOR*
HÓA-CHEMICAL	*VI SINH-MICROBIOLOGY*		
Dương Thị Thảo	**Trần Thị Quyên**	**Cao Thúy Trinh**	*Hoàng Quốc Kiều*

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.NGHỆ AN

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / *The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control*
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ *The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department*
5*.Chỉ tiêu được công nhận *ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017*
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/ ***Tests are use subcontractors*